

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST

Ngày: 20/8/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn.

2. Bà Phạm Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham dự phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 69/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp M T, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1967 và ông Mạch Văn M, sinh năm 1973.

+ Ông M ủy quyền cho bà U theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2018.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 72, ấp M T, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự ngày 16/5/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày: Bà L với vợ chồng bà U, ông M là người cùng xóm. Thời gian vào năm 2012 đến năm 2013 vợ chồng bà U, ông M đã vay tiền của bà L nhiều lần, tổng cộng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào 09/02/2013 (ngày 29/12/2012 al) bà U , ông M vay số tiền gốc là 11.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng.

Lần 2: Vào ngày 24/3/2013 (ngày 13/02/2013 al) bà U , ông M vay số tiền gốc là 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng.

Lần 3: Vào ngày 04/4/2013 (ngày 24/02/2013 al) bà U , ông M vay số tiền gốc là 1.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng.

Lần 4: Vào ngày 16/10/2013 (ngày 12/9/2013 al) bà U , ông M vay số tiền gốc là 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng.

Lần 5: Vào ngày 15/11/2013 (ngày 13/10/2013 al) bà U , ông M vay số tiền gốc là 2.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng.

Tổng cộng vợ chồng bà U , ông M vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Việc vay tiền không có thế chấp tài sản, có làm biên nhận của từng lần vay, có bà U ký tên xác nhận.

Quá trình vay vợ chồng bà U , ông M đã trả lãi được tổng cộng số tiền là 4.939.000 đồng, tiền gốc chưa thanh toán. Nhiều lần bà L yêu cầu nhưng vợ chồng bà U , ông M chỉ hứa hẹn mà không trả. Do đó, bà L khởi kiện đến Tòa án huyện U Minh Thượng.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu: Bà L yêu cầu vợ chồng bà U , ông M trả số tiền vay gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà L đồng ý tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật, theo mức lãi suất 1,125%/tháng, từ ngày 15/11/2013 đến nay và đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà bà U , ông M đã đóng.

Bà U xin trả dần, mỗi năm trả 3.000.000 đồng thì bà L không đồng ý.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị U đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Mach Văn M trình bày:** Bà U thừa nhận đã vay tiền của bà L nhiều lần tổng cộng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng như nội dung trình bày của bà L là đúng. Việc vay tiền hai bên có làm biên nhận của từng lần vay, chữ ký trong các biên nhận đúng là của bà U và bà đã nhận đủ số tiền vay 20.000.000 đồng. Bà U vay tiền của bà L là nhằm mục đích chi tiêu cho các nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Quá trình vay vợ chồng bà U , ông M đã trả lãi được số tiền là 4.939.000 đồng, tiền gốc chưa thanh toán. Do hai bên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng bà U , ông M ngưng thanh toán và hai bên xảy ra tranh chấp. Bà L khởi kiện vợ chồng bà U , ông M đến Tòa án huyện U Minh Thượng.

Tại phiên tòa bà U yêu cầu: Bà U thừa nhận còn nợ bà L số tiền vay vốn gốc là 20.000.000 đồng và đồng ý tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật, theo mức lãi suất 1,125%/tháng. Bà U đồng ý trả cho bà L số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần một năm trả 3.000.000 đồng triệu cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp* giữa nguyên đơn bà Phan Thị L với bị đơn bà Nguyễn Thị U, ông Mạch Văn M là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bà L và vợ chồng bà U, ông M đều có địa chỉ cư trú tại ấp M T, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về văn bản pháp luật áp dụng*: Giao dịch vay tiền được các bên xác lập vào năm 2012, 2013. Do đó, sẽ áp dụng Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản có liên quan để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

[3] *Về nội dung*: Nguyên đơn bà L và bị đơn bà U đều thống nhất: Vợ chồng bà U, ông M còn nợ bà L số tiền vay vốn gốc là 20.000.000 đồng; tiền lãi bà U, ông M đã trả là 4.939.000 đồng. Bà L và bà U thống nhất tính lại tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng và khấu trừ số tiền lãi 4.939.000 đồng mà bà U, ông M đã đóng. Bà L yêu cầu bà U, ông M thanh toán 01 lần hết số tiền gốc và lãi. Bà U yêu cầu được trả dần mỗi năm 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L*. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà L yêu cầu vợ chồng bà U, ông M phải trả số tiền vay vốn gốc 20.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà U đều thừa nhận đã vay của bà L số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Nội dung thừa nhận của bà U là phù hợp với diễn biến thực tế và các biên nhận chứng từ (có bà U ký tên xác nhận) mà hai bên đã xác lập khi thực hiện giao dịch. Giao dịch mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự về Hợp đồng vay tài sản. Vợ chồng bà U, ông M đã nhận được tiền thì phải có nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự. Do đó, trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị U, ông Mạch Văn M phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay vốn gốc 20.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[5] *Về tiền lãi*: Xét về mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận 7%/tháng tại thời điểm tháng 12/2012, năm 2013 và số tiền lãi 4.939.000 đồng mà vợ chồng bà U đã đóng cho bà L theo mức lãi suất 7%/tháng là không phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án bà L và bà U thống nhất tính lại tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất 1,125%/tháng mà các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm mà hai bên thực hiện giao dịch, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự và làm căn cứ để tính lại mức lãi suất và tiền lãi mà các bên đã giao dịch cụ thể: Số tiền vay vốn gốc 20.000.000 đồng, từ ngày 15/11/2013 (thời điểm cuối cùng các bên thực giao dịch) đến ngày 20/8/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 57 tháng 05 ngày x 1,125%/tháng = 12.862.500 đồng. Khấu trừ số tiền lãi mà vợ chồng bà U đã đóng là: 12.862.500đ - 4.939.000đ = 7.923.500đ (Bảy triệu chín trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi phải thanh toán là: 20.000.000đ + 7.923.500đ = 27.923.500đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Bà U yêu cầu được trả dần mỗi năm 03 triệu cho đến khi hết nợ, tuy nhiên, bà L không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà L. Buộc bà U, ông M cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay vốn gốc và lãi là 27.923.500 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà U, ông M phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà L là 27.923.500 đồng, được tính như sau: $27.923.500 \text{ đồng} \times 5\% = 1.396.175 \text{ đồng}$. Như vậy, bà U, ông M phải nộp án phí số là 1.396.175đ (Một triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng).

- Hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004153 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị U, ông Mạch Văn M, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị U, ông Mạch Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị L số tiền vay gốc và lãi là 27.923.500đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 7.923.500đ (Bảy triệu chín trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà U, ông M phải nộp án phí số là 1.396.175đ (Một triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng).

- Hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004153 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THA DS huyện U Minh Thượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa